

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2025/DS-PT

Ngày 10 - 3 - 2025

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 450/2024/TLPT-DS ngày 11/12/2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2025/QĐ-PT ngày 23/01/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Thế Q; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn N; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đức D; địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 23/3/2022 - Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị T; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

4. *Người làm chứng:*

4.1. Bà Trần Thị T1, ông Hoàng Văn H (Bà T1 có mặt, ông H vắng mặt).

4.2. Ông Nguyễn Hùng V, bà Nguyễn Thị H1 (Vắng mặt).

4.3. Bà Nghiêm Thị L (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

5. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Thế Q trình bày:

Ông Phạm Thế Q không có mối quan hệ gì với ông Nguyễn N. Năm 2021 ông Nguyễn N tự ý đổ bê tông mở đường qua đất của ông Q là thửa đất số 634a, tờ bản đồ số 01, diện tích 572m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 944274 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 26/01/2011 cho hộ bà Trần Thị T1, ông Hoàng Văn H. Ngày 10/3/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ký xác nhận đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Phạm Thế Q và bà Hoàng Thị T vào trang 03 giấy chứng nhận theo hồ sơ số 000888.CN.003. Việc ông N mở đường không được nhà nước quy hoạch, mở đường trên đất nông nghiệp không được nhà nước cho phép.

Vì vậy, ông Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn N tháo dỡ đường bê tông qua đất của ông Q có chiều dài 20m x 3m, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông N dài 3m, phía Tây giáp đường đi dài 3m, phía Nam giáp đất ông Q dài 20m, phía Bắc giáp đất ông N dài 20m và trả lại phần diện tích lấn chiếm làm đường đi cho ông Q.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Q có đơn xin rút một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 665497 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/8/2016 đối với thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 1(3) diện tích 855m² cho hộ ông Nguyễn N, đất tọa lạc tại thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Nguyễn N có đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Đức D trình bày:

Ngày 10/01/2003, ông Nguyễn N được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 858259 đối với thửa số 634, tờ bản đồ số 01, diện tích 11.905m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Tháng 4/2016 ông N làm đơn trình lên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C đề nghị xuống đo đạc và tách ra 18 thửa đất từ 500m² trở lên có Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk ký ngày 16/8/2016. Sau đó ông N xin chuyển qua đất thổ cư 12 thửa có Phó Chủ tịch UBND huyện C ký quyết định, ông N bỏ đất ra làm con đường có chiều dài 156m, ngang 5m đường bê tông có hai tổ dân phố T và tổ dân phố TL, ông địa chính và ông phó chủ tịch UBND thị trấn E ký ngày 25/02/2016. Đến năm 2019 có ban đo đạc của tỉnh Đắk Lắk về đo, hai bên gia đình ông N và ông Hồ T2 đã đồng ý ký vào tờ ranh giới hàng rào và cây trồng trên ranh giới mà hiện nay có thể hiện trên đất có đường đi bằng bê tông và lô đất của ông Q có số thửa là 242 trên tờ bản đồ của năm 2019.

Nguồn gốc đất của ông Phạm Thế Q là đất của ông T3 năm 1986 nhận làm cà phê cho Hợp tác xã Q3, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Ông N không biết lý do ông T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó ông T3 chuyển nhượng lại đất cho ông N, còn ông Q là nhận chuyển nhượng lại của ông H, bà T2 vào tháng 3/2021. Sau đó ông Q ngang nhiên đem xe máy phá hết hàng rào và cây trồng ranh giới với nhà ông N ở hướng Đông và hướng Bắc. Vì vậy ông Q khởi kiện đòi lại bề ngang 3,1m, dài 20m là không đúng, vì đất sử dụng 35 năm không có tranh chấp, việc mở đường là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thế Q.

Ông N không có yêu cầu bồi thường gì đối với hàng rào và cây trồng trên ranh giới của ông N theo bản tự khai ngày 13 tháng 6 năm 2022.

Người làm chứng bà Trần Thị T1 trình bày: Bà T1 là mẹ vợ của ông Phạm Thế Q. Việc ông N mở đường đi qua phần đất của ông Q là không đúng, trước đây khi chưa chuyển nhượng đất cho ông Q thì trên đất không có đường, ông N tự ý mở đường do ông N phân lô tách thửa đất để chuyển nhượng cho người khác nên phải có đường.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 164, Điều 166, Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thế Q.

Buộc ông Nguyễn N tháo dỡ đường bê tông để trả lại diện tích đất hiện trạng ban đầu có chiều ngang 3m, chiều dài 20m, thuộc thửa đất số 634a, tờ bản đồ số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 944274 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 26/01/2011 cho hộ bà Trần Thị T1, ông Hoàng Văn H; ngày 10/3/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ký xác nhận đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Phạm Thế Q và bà Hoàng Thị T vào trang 03 giấy chứng nhận, đất tọa lạc tại Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông N dài 3m; phía Tây giáp đường đi dài 3m; phía Bắc giáp đất ông N (nay là đất ông Á) dài 20m; phía Nam giáp đất ông Q dài 20m.

Buộc ông Nguyễn N tháo dỡ, di dời bờ rào dây kẽm gai, cọc gỗ và trả lại hiện trạng ban đầu cho ông Phạm Thế Q diện tích đất $(3,8 \times 20) = 76m^2$, có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông N (lối đi) dài 3,8m; phía Tây giáp đường đi dài 3,8m; phía Bắc giáp đất ông N (nay là đất ông Á) dài 20m; phía Nam giáp đất ông Q dài 20m.

2. Đình chỉ một phần đơn khởi kiện của ông Phạm Thế Q về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 665497 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/8/2016 đối với thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 1(3), diện tích $855m^2$, tọa lạc tại thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Hậu quả của việc đình chỉ: Ông Phạm Thế Q được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn N phải trả lại cho ông Phạm Thế Q 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn N phải chịu 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Thế Q được nhận lại 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 60AA/2021/0008041 ngày 09/3/2022 và số AA/2021/0013618 ngày 19/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định.

Ngày 04/10/2024, bị đơn ông Nguyễn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn N; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 88/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn N được nộp trong thời hạn luật định và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thế Q và nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn N, Hội đồng xét xử thấy:

Về nguồn gốc đất của ông Phạm Thế Q, bà Hoàng Thị T là do nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị T1, ông Hoàng Văn H thừa đất số 634a, tờ bản đồ số 01, diện tích 572m², gồm 300m² đất ở đô thị và 272m² đất trồng cây lâu năm, đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 944274 do UBND huyện C cấp ngày 26/01/2011 cho hộ bà Trần Thị T1, ông Hoàng Văn H; ngày 10/3/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ký xác nhận đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Phạm Thế Q và bà Hoàng Thị T tại trang 03 của GCNQSDĐ.

Đất của ông Nguyễn N có nguồn gốc từ thửa số 634, tờ bản đồ số 01, diện tích 11.905m² đất trồng cây lâu năm, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 858259 do UBND huyện C cấp ngày 10/01/2003 cho hộ ông Nguyễn N. Tháng 01/2016, ông N làm thủ tục xin tách thửa số 634 thành 18 thửa đất, mỗi thửa có diện tích từ 500m² trở lên; đến ngày 16/8/2016 thì được cấp đổi thành các GCNQSDĐ với từng thửa.

Cùng năm 2016, ông N tự ý mở 01 con đường đất dài 156m, rộng 5m. Do không phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chung thị trấn E, nên khi đo đạc tách thửa, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C

không ghi nhận con đường trên GCNQSDĐ cho ông N. Tháng 4/2021, ông N đổ bê tông đoạn đường còn lại có chiều dài 30m, rộng 3m (Tính từ phần tiếp giáp đường bê tông ông N đã đổ bê tông trước đây đến ranh tiếp giáp đường chính trong khu vực phía Tây thửa đất số 634 của ông N). Qua xem xét toàn bộ hồ sơ cấp và tách thửa đất của hai bên ông Q và ông N thì đều không thể hiện có lối đi chung hay đường dân sinh nào cắt ngang qua diện tích đất 572m², thửa đất số 634a, tờ bản đồ số 01 của ông Q, bà T, cũng như trên các GCNQSDĐ của ông N.

Theo Kết quả kiểm tra hiện trạng ngày 27/9/2021 thể hiện diện tích đất 572m² nói trên của ông Q theo GCNQSDĐ thì có vị trí tứ cận:

- + Phía Đông giáp đất ông N dài 28,6m.
- + Phía Tây giáp đường đi dài 28,6m.
- + Phía Nam giáp thửa số 634c dài 20m.
- + Phía Bắc giáp thửa số 634 dài 20m.

Tuy nhiên, theo hiện trạng sử dụng thực tế thì đất của ông Q có vị trí tứ cận:

- + Phía Đông giáp đất ông N dài 25,5m là thiếu 3,1m.
- + Phía Tây giáp đường đi dài 25,5m, thiếu 3,1m.
- + Phía Nam giáp thửa số 634c dài 20m.
- + Phía Bắc giáp thửa số 634 dài 20m.

Nguyên nhân diện tích đất bị thiếu: Do ông N mở đường đi ngang qua đất nhà ông Q lấn chiếm diện tích đất trên.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/5/2023 của TAND huyện Cư M'gar xác định: Con đường đang tranh chấp có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất số 634a, tờ bản đồ số 01 của ông Q, rộng 3,8m (Từ cọc gỗ đến bê tông), vị trí đổ bê tông rộng 3m.
- + Phía Tây giáp đường liên thôn rộng 3,8m (Từ cọc gỗ đến bê tông), vị trí đổ bê tông rộng 3m.
- + Phía Bắc giáp thửa số 634, tờ bản đồ số 01 của ông N, cạnh dài 21m.
- + Phía Nam nằm trên thửa đất số 634a, tờ bản đồ số 01 của ông Q, cạnh dài 21m.

Tại Biên bản kiểm tra hiện trạng v/v làm đường bê tông ngày 30/8/2021 của Đoàn kiểm tra UBND thị trấn E xác định: Trong quá trình xây dựng con đường ông N không xin chủ trương của UBND thị trấn. Qua kiểm tra đối chiếu trên GCNQSDĐ đã cấp không thể hiện đường đi, kiểm tra trên bản đồ hiện trạng đo đạc năm 2019 thì trên thửa đất có thể hiện đường đi. Đối chiếu trên bản đồ quy hoạch xây dựng chung thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2023 thì con đường ông N xây dựng là không phù hợp quy hoạch.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn N số 3504/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện C đã quyết định không chấp nhận đơn khiếu nại của ông N và vẫn áp dụng Quyết định số 42/QĐ-XPVPHC ngày 06/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai bằng hình thức phạt tiền đối với ông N, chỉ sửa mức phạt tiền từ 23.000.000 đồng thành 13.000.000 đồng.

Như vậy, có căn cứ xác định ông N tự ý mở con đường bê tông là trái quy định pháp luật và con đường này đã lấn chiếm vào diện tích đất của ông Q, bà T. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của ông Q để buộc ông N phải tháo dỡ con đường bê tông để trả lại hiện trạng ban đầu và trả lại diện tích đất 76m² lấn chiếm của ông Q là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn N là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm 88/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar là phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thế Q được chấp nhận nên ông Nguyễn N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.500.000 đồng.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông N sinh năm 1953 là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí, nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn N;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 164, Điều 166, Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thế Q.

Buộc ông Nguyễn N phải tháo dỡ đường bê tông để trả lại diện tích đất hiện trạng ban đầu có chiều ngang 3m, chiều dài 20m, thuộc thửa đất số 634a, tờ bản đồ số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 944274 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 26/01/2011 cho hộ bà Trần Thị T1, ông Hoàng Văn H; ngày 10/3/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ký xác nhận đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Phạm Thế Q và bà Hoàng Thị T vào trang 03 giấy chứng nhận, đất tọa lạc tại Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông N dài 3m; phía Tây giáp đường đi dài 3m; phía Bắc giáp đất ông N (nay là đất ông Á) dài 20m; phía Nam giáp đất ông Q dài 20m.

Buộc ông Nguyễn N tháo dỡ, di dời bờ rào dây kẽm gai, cọc gỗ và trả lại hiện trạng ban đầu cho ông Phạm Thế Q diện tích đất $(3,8 \times 20) = 76m^2$, có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông N (lối đi) dài 3,8m; phía Tây giáp đường đi dài 3,8m; phía Bắc giáp đất ông N (nay là đất ông Á) dài 20m; phía Nam giáp đất ông Q dài 20m.

[2.2] Đình chỉ một phần đơn khởi kiện của ông Phạm Thế Q về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 665497 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/8/2016 đối với thửa đất số 1304, tờ bản đồ số 1(3), diện tích $855m^2$, tọa lạc tại thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Hậu quả của việc đình chỉ: Ông Phạm Thế Q được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn N phải trả lại cho ông Phạm Thế Q 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[2.4] Về án phí:

[2.4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Thế Q được nhận lại 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 60AA/2021/0008041 ngày 09/3/2022 và số AA/2021/0013618 ngày 19/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[2.4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn N được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng